

# TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI ĐỨC Ở MIỀN NAM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 – 1975 TRÊN BÌNH DIỆN DỊCH THUẬT

■ Huỳnh Thị Mai Trinh \*

## TÓM TẮT

Vào những năm 60 của thế kỷ XX, văn học Đức được biết đến rộng rãi ở miền Nam Việt Nam. Tác phẩm của những tác gia nổi tiếng như Thomas Mann, Hermann Hesse, Heinrich Böll, Erich Maria Remarque... được dịch và xuất bản ở miền đất sôi động này. Giai đoạn 1954-1975 có thể nói văn học Đức thực sự nở rộ trên bình diện dịch thuật ở văn đàn Nam Việt Nam. Bài viết nhằm giới thiệu các nhà văn Đức cùng các sáng tác của họ đã được dịch tại Nam Việt Nam trong giai đoạn này. Trong đó, chúng tôi khảo sát các bài nghiên cứu liên quan đến việc dịch và đọc văn học Đức, đồng thời đưa ra những đánh giá về tình hình dịch văn học Đức ở Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975.

## ABSTRACT

### The modern German novel in South Vietnam during the period 1954 - 1975 in the field of translation

In the 60s of XX century, German literature was widely known in South Vietnam. Works of famous writers such as Thomas Mann, Hermann Hesse, Heinrich Böll, Erich Maria Remarque ... were translated and published. German literary translations had flourished from 1955 to 1975. This article introduces German writers and Vietnamese translations of their works in South Vietnam during 1954-1975. In particular, we investigate research related to translating and reading German literature, and evaluate the translation German literature in South Vietnam.

Nếu những năm 20-30 của thế kỷ XX hoạt động sáng tác là nổi trội thì từ 1954-1975, văn học dịch chiếm vị trí chủ yếu trên văn đàn miền Nam Việt Nam. Kế thừa nền văn chương quốc ngữ từ cuối thế kỷ XIX, đến giai đoạn này sáng tác văn học trong nước và văn học dịch đã nâng tiếng Việt lên độ hoàn thiện và chuẩn mực.

Đến nửa đầu thế kỷ XX, việc dịch thuật chủ yếu qua tiếng Trung, tiếng Pháp thì từ 1954-1975 ngôn ngữ được dịch phong phú hơn. Ngoài tiếng Pháp, các dịch giả còn chọn tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga... Và như vậy, các nền văn học lớn như Pháp, Anh, Mỹ, Đức, Nga, các nước Mỹ Latinh dần dần xuất hiện và phổ biến trong đời sống văn học ở miền Nam Việt Nam. Bài viết này nhằm giới thiệu các nhà văn Đức hiện đại có tiểu thuyết được dịch ở miền Nam giai đoạn 1954-1975. Bên cạnh đó, chúng tôi khảo sát các ý kiến liên quan đến việc dịch và

đọc tiểu thuyết hiện đại Đức được đăng tải cùng thời, để thấy được những phác thảo đầu tiên của tiểu thuyết Đức trong lòng miền Nam Việt Nam. Vì dung lượng của bài báo, chúng tôi xin phép không giới thiệu các nhà văn nước ngoài viết bằng tiếng Đức, cũng như các nhà văn Đức có số lượng văn phẩm dịch không nhiều và ít nổi bật.

Giai đoạn 1954-1975 là giai đoạn lịch sử đặc biệt ở Việt Nam. Đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn miền Nam chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Miền Nam Việt Nam thời bấy giờ tồn tại nhiều phe phái, xuất hiện nhiều xu hướng đấu tranh đối lập nhau.

Trong tình hình đó, phương diện dịch và nghiên cứu tiểu thuyết hiện đại Đức ở hai miền Việt Nam cũng có sự khác biệt. Ở miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn này, các bản dịch văn học cổ điển, văn học hiện thực và hiện

\* ThS, Đại học Văn Hiến

thực xã hội chủ nghĩa được dịch giả và bạn đọc quan tâm. Nổi bật là trường hợp Anna Seghers với các tiểu thuyết chống phát-xít, ca ngợi tình hữu nghị quốc tế như Cây thập tự thứ bảy, tập ký sự Tổ ong, Những người chết còn trẻ mãi hay Eduard Claudius với tiểu thuyết Những người bên phía chúng ta... Trong khi đó ở miền Nam lại khác, tên tuổi của những nhà văn như Hermann Hesse, Thomas Mann, Heinrich Böll, Erich Maria Remarque được ưa chuộng với những tiểu thuyết viết về nỗi cô đơn, sự dằn vặt, những nỗi đau, những khủng hoảng của con người. Bên cạnh đó, Nam Việt Nam lại là môi trường nở rộ của dịch thuật, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học phương Tây mà bên cạnh những ý đồ tâm lý chiến còn có những cố gắng lao động với tinh thần học thuật và cởi mở.

### 1. Về đội ngũ dịch giả

Vai trò của người dịch trong quá trình tiếp cận và truyền bá tư tưởng nước ngoài là rất lớn. Dịch giả thời kỳ này đồng thời cũng là những học giả, nhà nghiên cứu nổi tiếng. Họ là tầng lớp trí thức Tây học, chuộng sự đổi mới và xem trọng học thuật. Hẳn bạn đọc miền Nam thời bấy giờ cũng như sau này không xa lạ gì với các tên gọi Bùi Giáng, Phùng Khánh, Huỳnh Phan Anh, Diễm Châu, Võ Toàn, Trần Phong Giao, Hoài Khanh, Chơn Hạnh, Vũ Đình Lưu, Nguyễn Tử Lộc... Uy tín của những dịch giả cũng làm cho sách dịch của họ ở Nam Việt Nam trở nên gần gũi với bạn đọc.

Văn phẩm nổi tiếng của phương Tây đã được dịch sang tiếng Việt từ nhiều thứ tiếng. Dịch giả tiếp xúc các văn bản này theo thể mạnh ngoại ngữ của bản thân chứ không phải là dịch từ nguyên bản tác phẩm của nền văn học đó. Việc sử dụng ngôn ngữ trung gian trong dịch thuật ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp nhận văn bản dịch. Ví dụ, rất nhiều tác phẩm như trường hợp Hermann Hesse trong nền văn chương Đức được dịch sang tiếng Việt từ tiếng Pháp, tiếng Anh. Viễn Nguyên dịch Narciss và Goldmund từ tiếng Pháp, Hoài Khanh dịch Hành trình sang phương Đông từ bản tiếng Anh... Các

dịch giả miền Nam giai đoạn này rất chuộng dịch theo kiểu phỏng tác, Việt hoá tên nhân vật, như trong Câu chuyện dòng sông và Thi nhân, vừa giữ được tinh thần tác phẩm và cũng vừa làm cho văn phẩm dịch gần hơn với văn hoá của người đọc Việt Nam ở giai đoạn này.

### 2. Thống kê tác giả và tác phẩm được dịch

Đầu tiên, chúng tôi muốn nhắc đến các tác giả Đức đạt được giải thưởng Nobel văn chương. Những tác giả Nobel được chọn dịch ở Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 là Thomas Mann, Hermann Hesse, Heinrich Böll, Günter Grass (ông nhận giải Nobel sau giai đoạn này - 1999). Môi trường trong Nam có lợi thế về phương diện ấn hành, theo thống kê của chính quyền Mỹ - Diệm, thời kỳ này có khoảng 150 đơn vị xuất bản lớn nhỏ và rất nhiều trong số đó hoạt động theo doanh thu. Vì thế, sách dịch với nhiều thể loại và nội dung phong phú đã đến với lực lượng bạn đọc đông đảo. Bên cạnh đó, công việc giới thiệu về tác giả, tác phẩm của giới nghiên cứu và dịch giả miền Nam khá tốt nên các bài nghiên cứu cũng như bản dịch tiểu thuyết hiện đại Đức của các nhà văn Nobel đã đến tay bạn đọc kịp thời.

Ngoài các nhà văn được giải thưởng vinh dự trên, tại Việt Nam còn có một tác giả khác mà tiểu thuyết của ông được đón nhận nhiệt tình ở Nam Việt Nam, đó là trường hợp Erich Maria Remarque. Nhà nghiên cứu Trần Dương nhận định "Người ta cho biết, trên thế giới này, sau cuốn Kinh Thánh, tác phẩm Phía Tây không có gì lạ được in với số lượng cao nhất". Nhận định này khẳng định, tác phẩm được dịch thành nhiều thứ tiếng và ấn hành rộng rãi toàn thế giới, và ông là nhà văn đã "tiếp cận với trái tim, với lương tâm của mọi quốc gia, của mọi phương trời" [5, 121].

Những năm 60 là thời gian văn phẩm Đức được dịch, xuất bản và tái bản khá nổi bật ở Nam Việt Nam. Sau đây là bảng liệt kê các sáng tác của các nhà văn Đức được dịch tại miền Nam Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975:

- Nhà văn Heinrich Böll (1917-1985)

Tác phẩm	Năm XB ở VN	Người dịch	Đơn vị xuất bản
Wenceslas và gấu Nga	1969	Trạch Chương	Tập san Văn, số 137
Lạc lối về (tiểu thuyết) – Und sagte kein einziges Wort – 1953	1972	Huỳnh Phan Anh	Khai Hoá
Người ở đâu về (tiểu thuyết) – Wo warst du, Adam? – 1951	1972	Lý Quốc Sinh	Nguồn sáng
Từ độ xa người (tiểu thuyết) – Haus ohne Hüter – 1954	1972	Lý Quốc Sinh	Nguồn sáng
Chuyến viễn hành trong đêm (tiểu thuyết) – Der Zug war pünktlich – 1949	1973	Huỳnh Phan Anh	Vàng Sơn

- Nhà văn Günter Grass (1927-)

Tác phẩm	Năm XB ở VN	Người dịch	Đơn vị xuất bản
Quản củ hành (tiểu thuyết, trịch dịch) – Die Blechtrommel – 1959	1963	Nguyễn Minh Hoàng	Tạp chí Bách Khoa, số 149

- Nhà văn Hermann Hesse (1877 – 1962)

Tác phẩm	Năm XB ở VN	Người dịch	Đơn vị xuất bản
Câu chuyện của dòng sông (tiểu thuyết) – Siddhartha - 1922	1965, 1966, ...	Phùng Khánh, Phùng Thăng	Lá Bối
Tháp nước tu viện Maulbronn (truyện ngắn)	1966	Võ Toàn	Tập san Văn, số 70
Tiểu thoại (truyện cổ tích) – Flötentraum – 1913	1966	Võ Toàn	Tập san Văn, số 70
Knulp (tiểu thuyết, dịch phần I) – Knulp – 1915	1966	Võ Toàn	Tập san Văn, số 70
Tuổi trẻ, tuổi trẻ vàng son (truyện ngắn) - Schön ist die Jugend – 1916.	1966	Trần Phong Giao	Tập san Văn, số 70
Một kiếp giang hồ (tiểu thuyết – dịch trọn cuốn) – Knulp – 1915	1967	Võ Toàn	Tập san Văn, số 19
Hành trình sang phương Đông (tiểu thuyết) – Die Morgenlandfahrt – 1932	1967	Hoài Khanh	Ca Dao
Tuổi trẻ bán khoán (tiểu thuyết) – Demian – 1919	1968, 1974	Hoài Khanh	Ca Dao
Sói đồng hoang (tiểu thuyết) – Der Steppenwolf – 1927	1969	Chơn Hạnh, Phùng Thăng	Ca Dao
Tuổi trẻ và cô đơn (tiểu thuyết) – Peter Camenzind – 1904	1969	Vũ Đình Lưu	Ca Dao
Tuổi trẻ thần tiên (truyện ngắn) – Schön ist die Jugend – 1916	1972	Bùi Quang Đông	Bông Hồng
Đầu mái nhà xưa (tiểu thuyết) – Roßhalde – 1914	1973	Người viễn phương	Ca Dao
Người thơ (truyện cổ tích) – Der Dichter – 1913	1973	Nguyễn Thiều Nhân	Tập san Văn, số 288

- Nhà văn Thomas Mann (1875-1995)

Tác phẩm	Năm XB ở VN	Người dịch	Đơn vị xuất bản
Joseph và các anh em trai (tiểu thuyết – 4 phần) – Joseph und seine Brüder – 1933	1967	Hoàng Ưng	Tập san Văn, số 96. Sài Gòn.
Lưỡi gươm của thượng đế (truyện ngắn) -	1967	Trần Phong Giao và Mai – Dzam	Tập san Văn, số 96. Sài Gòn.
Ngon núi huyền diệu (tiểu thuyết) – Der Zauberberg – 1924	1967	Hoàng Ngọc Biên trích dịch	Tập san Văn, số 96. Sài Gòn.
Thần tượng lạ (truyện dài) – Der Tod in Venedig	1974	Nguyễn Tú Lộc	Trẻ. Sài Gòn.
Tình yêu và lý tưởng (tiểu thuyết) – Tonio Kröger	1974	Huỳnh Phan Anh	Ngày mới. Sài Gòn.

- Nhà văn Erich Maria Remarque (1898-1970)

Tác phẩm	Năm XB ở VN	Người dịch	Đơn vị xuất bản
Kẻ lạc lõng (tiểu thuyết, trích dịch) – Im Westen nichts Neues – 1929	1951	Thế Uyên	Văn học, số 31
Mùa thu cuối cùng (tiểu thuyết) – Im Westen nichts Neues – 1929	1968	Trương Đình Thụy, Trần Tuấn Kiệt	Gió Bốn Phương
Một thời để yêu và một thời để chết (tiểu thuyết) – Zeit zu leben und Zeit zu sterben – 1954	1969	Cô Liêu	An Tiêm
Bia mộ đen (tiểu thuyết) – Der schwarze Obelisk – 1956	1973	Tâm Nguyễn	Kính Thi
Bia mộ đen và bầy thiên nga gãy cánh (tiểu thuyết) – Der schwarze Obelisk – 1956	1973	Vũ Kim Thư	Đất sống
Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh (tiểu thuyết) – Im Westen nichts Neues – 1929	1973	Tâm Nguyễn	Kính Thi
Ravic (tiểu thuyết, trích dịch) – Arc de Triomphe – 1946	1973	Huỳnh Phan Anh	Tập san Văn, số 228

Từ sự khảo sát trên cho thấy, những sáng tác của các nhà văn hiện đại Đức được dịch phổ biến ở Nam Việt Nam với thể loại chủ yếu là tiểu thuyết và truyện ngắn. Trong đó, tiểu thuyết chiếm ưu thế hơn cả. Đồng thời, những tiểu thuyết gia hiện đại nổi tiếng trong văn học Đức đều được chọn dịch. Có thể nhận xét rằng, tiểu thuyết hiện đại Đức được dịch và được đọc khá ưu thế, có lượng bạn đọc đông đảo, những tên tuổi như Remarque, Hesse được nhắc đến trong các bài nghiên cứu, bài báo với các tác giả cùng thời ở các nước Mỹ, Pháp, Anh, Nga... So với các nền văn học nước ngoài khác được dịch ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, tiểu thuyết Đức khẳng định được chỗ đứng cho dòng văn học tư tưởng của mình qua các nội dung

về chiến tranh, tôn giáo cũng như các vấn đề của con người trong thời đại mới.

Bên cạnh đó, từ sự khảo sát của chúng tôi, tiểu thuyết Đức được dịch ở miền Nam Việt Nam trội hẳn hơn ở miền Bắc vào giai đoạn này. Ngoài Anna Seghers thì những tác giả có tiểu thuyết được dịch ở Bắc ở giai đoạn này không nhiều. Erich Maria Remarque nổi bật với cuốn Phía Tây không có gì lạ, được dịch và xuất bản năm 1962 và Thomas Mann với tập một cuốn Gia đình Bút-đen-Brúc được dịch và xuất bản vào cuối năm 1975... Vì sự khác biệt về xu hướng chính trị giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam, nên có nhiều nhà văn được biết đến nhiều ở miền Nam thì không được dịch ở miền Bắc, hoặc được biết đến rất ít. Hay trường hợp Anna

Seghers được dịch nổi bật ở miền Bắc nhưng không được các dịch giả miền Nam chọn lựa.

### 3. Một số ý kiến về phương diện dịch và đọc tiểu thuyết hiện đại Đức

Sinh hoạt văn nghệ ở các đô thị ở Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 có nhiều điều mới lạ, đặc biệt là sự tiếp cận các học thuyết hiện đại diễn ra sôi nổi. Sự sôi động ấy chủ yếu tập trung ở các đô thị lớn, với nhiều xu hướng khác nhau, có khi đối lập nhau:

“Hẳn là thế hệ thanh niên muốn có những hình ảnh biểu tượng phản ánh nhu cầu tinh thần, vò xé và ray rút, khát vọng và hành động, không gò bó trong một ý thức hệ nào. Hẳn là họ không muốn giam mình trong thực tại hình thành với những rung cảm quen thuộc không gợi lên hình ảnh biểu tượng hấp dẫn để phóng mình vào kích thích tương lai. Một nội dung văn nghệ thoả mãn được đòi hỏi ấy phải là một nội dung văn nghệ phong phú. Có lẽ họ ham đọc văn phẩm ngoại quốc để tìm sự phong phú ấy.” (Vũ Đình Lưu) [11, 17].

Nhận định của nhà nghiên cứu Vũ Đình Lưu nhấn mạnh về vấn đề thị hiếu người đọc và lý do vì sao thanh niên ở các đô thị lớn yêu thích văn phẩm ngoại quốc. Đây là một nhận xét quan trọng, văn chương dịch đã đáp ứng được “nhu cầu tinh thần, vò xé và ray rút, khát vọng và hành động” của giới trẻ thành thị thời bấy giờ. Sự “vò xé, ray rút” của họ đến từ bối cảnh đặc biệt của xã hội miền Nam. Qua các văn phẩm dịch, họ thấy được bản thân cũng như những khát vọng để dẫn thân và hành động.

Bên cạnh đó, tác giả Vũ Đình Lưu lý giải về sự hướng ngoại trong thường thức không phải là vì người đọc thích cái phong vị xa lạ mà là vì văn học nước ngoài được dịch có nội dung thu hút thật sự, cũng như người đọc Nam Việt Nam đã bắt nhịp được với thị hiếu quốc tế [10, 14]. Ông còn cho rằng sáng tác trong nước ít ỏi không đáp ứng được nhu cầu tinh thần của quần chúng, hoặc có chăng cũng không trả lời đúng nhu cầu thực sự của họ. Đồng thời, sự phức tạp của tình hình xã hội

thời bấy giờ đã nảy sinh những bất lợi cho sinh hoạt văn nghệ của văn nghệ sĩ. Từ đó, văn học trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu đọc, và đó cũng là những lý do người ta dịch và đọc văn phẩm nước ngoài. Hai nguyên nhân được Vũ Đình Lưu đưa ra là:

- Nguyên nhân nội tại: sáng tác ít ỏi hay sáng tác không thoả mãn được đòi hỏi của người đọc.
- Nguyên nhân ngoại tại: tình trạng chính trị và kinh tế không thuận lợi cho sinh hoạt văn nghệ [11,12].

Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu này còn lý giải vì sao bạn đọc miền Nam chú ý nhiều đến văn phẩm ngoại quốc, mà Hermann Hesse, Erich Maria Remarque và Dostoevsky là ví dụ. Trong ba nhà văn trên, Hesse và Remarque là hai nhà văn Đức được dịch với số lượng khá nhiều ở miền Nam giai đoạn này.

Trong “Đôi bạn chân tình”, Hesse đã đưa ra một sắc thái mới của văn nghệ: sự giải toả tâm linh dồn nén để con người thấy lại tâm trạng và cá tính chân xác vẫn bị che lấp vì nền giáo dục và hoàn cảnh gia đình. Thấy lại bản chất chân thực của mình, Goldmund, nhân vật trong tự truyện, tự thực hiện qua cuộc phiêu lưu tình ái vô tiền khoáng hậu và để lại vết chân trên trần thế bằng những tác phẩm nghệ thuật cao siêu.

Remarque, trong truyện “Một thời để yêu và một thời để chết” giải bày tâm trạng của một thanh niên và một thiếu nữ trong thời chinh chiến: sống vội vã, yêu vội vã, tìm thi vị cuộc đời trong sự sống vội vã trước khi ngã gục tại chiến trường.

Dostoevsky dựng lên bức tranh toàn đồ nước Nga vào thời kỳ chế độ quân chủ suy vi, tinh thần cách mạng đang nhen nhúm và nung nấu lòng người. Con người bị đặt trước những vấn đề lớn lao. Cả một nền móng tin tưởng và sinh sống bị lung lay từ gốc rễ, ảnh hưởng dây chuyền của những đảo lộn xã hội Tây Âu. Qua những sự việc xã hội đó, ngòi bút của Dostoevsky đặt chân vào thâm tâm con người và thâm tâm con người phải bộc lộ hết không giữ được gì bí mật với ông [11,13].

Sự lý giải cặn kẽ của Vũ Đình Lưu đã gợi một hướng nhìn nhận về phong trào dịch thuật thời bấy giờ. “Văn chương thiếu cái phong phú cần cho thế hệ mới” [11,14]. Văn học dịch đã đáp ứng được cho tầng lớp bạn đọc mới và trẻ trung này, đây là kiểu “hướng ngoại” trong thưởng thức, để tìm sự thông cảm và chia sẻ mà tác phẩm ngoại quốc mang lại được cho bạn đọc miền Nam.

Bên cạnh đó, năm 1971 ở Sài Gòn cuốn *Modern World Fiction* của các nhà nghiên cứu Dorothy Brewster, John Angus Burrell được Dương Thanh Bình dịch với tên *Tiểu thuyết hiện đại* đã có nhiều nhận xét mới mẻ và cùng thời về tiểu thuyết phương Tây thế kỷ XX. Trong đó, họ dành hẳn một chương viết về Thomas Mann cũng như việc đọc Mann đối với độc giả nước ngoài:

Nhiều người cho rằng tiểu thuyết của Mann rất khó đọc; ý nghĩ của họ có thể tóm tắt trong vài câu phê bình sau đây: “Tác giả này khó tiêu lắm”, hoặc “Nhân vật của ông nói nhiều quá”, hoặc “Truyện của ông dài lê thê và rắc rối quá”. Ở đây chúng tôi xin đưa ra vài ý kiến để chứng tỏ rằng tác phẩm của ông rất xứng đáng được đọc, miễn là độc giả chịu cố gắng chút ít để tìm hiểu. Quả thật văn ông nhiều khi rườm rà và quanh co; ông kéo dài những suy luận về triết lý, tâm lý hoặc huyền thoại đến độ làm cho độc giả phải choáng váng, ông lại thích phóng túng trong lối văn hàm hồ mĩa mai... [2,242]<sup>1</sup>.

Hai tác giả này cũng không quên đưa ra những lý do để đọc Mann khi cho rằng ông “là một nghệ sĩ lão thành, biết sử dụng một cách vững vàng nhiều thể thức cao siêu nhất của tiểu thuyết hiện đại, và là một tư tưởng gia đủ khả năng ứng phó với những nhu cầu của thời đại rồi ren ông đang sống” [2,242]. Trong cuốn sách này, Thomas Mann được xem là một trong số các “tác giả xuất chúng” bên cạnh James Joyce, Marcel Proust, Franz Kafka...

Đây không phải là ý kiến của bạn đọc Sài Gòn trước

năm 1975, mà là cách tiếp cận việc đọc Mann của hai tác giả nước ngoài, định hướng tốt cho người đọc miền Nam thời bấy giờ.

Nhà nghiên cứu Vũ Duy Từ có bài giới thiệu về Thomas Mann, cách tiếp cận của ông về nhà văn phần nào hợp với tâm trạng của bạn đọc ở các đô thị lớn miền Nam. Nhà nghiên cứu đã dẫn dắt người đọc vào một “thời đại điên đảo” [20, 4], bệnh hoạn, đến “sự tương khắc giữa tinh thần và đời sống” [20, 14] (ảnh hưởng từ Schopenhauer và Nietzsche)...

Không dừng lại ở những vấn đề trên, Thomas Mann được quan tâm ở miền Nam Việt Nam ở nội dung vấn đề tình yêu đồng tính qua cuốn tiểu thuyết *Thần tượng lạ* (*Der Tod in Venedig*<sup>2</sup>, dịch năm 1974, Trẻ, Sài Gòn). Dịch giả Nguyễn Tử Lộc viết giới thiệu cho cuốn tiểu thuyết này và có đánh giá về nhóm tác phẩm thời trẻ của Mann. Theo đó, dịch giả cho rằng những tác phẩm này của Mann “cho thấy sự quan tâm của Mann về những vấn đề phân tâm: sự gắn gũi giữa sáng tạo nghệ thuật và tâm bệnh, niềm khát khao cái chết của người nghệ sĩ, sự đồng tính giữa thiên tài và tâm bệnh, đó là những đề tài lớn. Thêm vào đó là những chủ đề như loạn luân, đồng tính luyến ái và tính dục đa hình” [tr. 7-8]... Qua đây, chúng ta có thể thấy rõ dịch giả Nguyễn Tử Lộc đã gợi mở những mới mẻ từ sâu trong nội dung sáng tác của Mann, nhìn nhận các vấn đề về tình yêu, tình dục của nhân vật dưới cái nhìn của phân tâm học - trào lưu tư tưởng phương Tây vốn được quan tâm nghiên cứu ở giai đoạn này tại Nam Việt Nam.

Bên cạnh đó, vấn đề tôn giáo cũng được các dịch giả Việt Nam quan tâm, như trường hợp Hoàng Ứng viết lời dẫn khá hay cho một truyện dựa theo Kinh Thánh Cựu Ước về Anh chàng Joseph nhưng được tả trong bối cảnh hiện đại, nhiều kiến thức về dân tộc Do Thái và Ai Cập. Là bộ truyện ông viết trong thời gian tự lưu đầy... Có thể nói Thomas Mann được chọn dịch ở miền Nam Việt Nam vì các sáng tác của ông luôn gợi

<sup>1</sup> Chúng tôi dùng cuốn tái bản năm 2003, Nxb. Lao động, Hà Nội.

<sup>2</sup> Quý II năm 2012, cuốn sách này được dịch mới và xuất bản với tên sát với nguyên bản *Chết ở Venice*, Nguyễn Hồng Vân dịch, Nxb. Trẻ (hợp tác với Tủ sách Cửa mở rộng).

mở những cách nhìn nhận về cuộc sống hiện đại, rất cần trong đời sống tinh thần của tầng lớp trí thức trẻ ở Sài Gòn và các đô thị lớn ở miền Nam đang hướng theo lối sống phương Tây hoặc muốn đi tìm những tư tưởng, những học thuyết hiện đại.

Có thể thấy, xã hội miền Nam giai đoạn 1954-1975 là xã hội đa tôn giáo. Trong bối cảnh phức tạp của chính trị, xã hội, văn hoá thời bấy giờ, con người trở nên hoài nghi và bất lực. Họ tìm đến tôn giáo như cứu cánh tinh thần, xoa dịu đi những khủng hoảng thường nhật. Trong đó, Phật giáo là tôn giáo có nhiều ảnh hưởng nhất ở miền Nam và cũng là tôn giáo trong văn chương thể hiện nhiều ấn tượng đối với người đọc, qua tiểu thuyết Đức được dịch ở miền đất này. Hermann Hesse và tiểu thuyết Câu chuyện dòng sông là trường hợp tiêu biểu. Một số tác phẩm khác của nhà văn này được dịch ở Nam Việt Nam mang ý nghĩa của những cuộc hành hương tinh thần, rất hợp với tâm lý người đọc miền Nam thời bấy giờ. Bên cạnh Phật giáo, Hermann Hesse còn có những tìm kiếm ở những tôn giáo khác trong văn chương của ông và chúng được dịch ở Nam Việt Nam.

Cuối cùng, đó là chiến tranh và những ảnh hưởng của nó đã gợi sự chia sẻ sâu sắc từ các tác phẩm dịch. Thế kỷ XX đã xảy ra hai cuộc thế chiến và cũng như nhiều cuộc nội chiến, chiến tranh lạnh... Hậu quả của chiến tranh đã tạo nên những khắc khoải, những dằn vặt, những nghi ngờ, ám ảnh và mất mát mà cảm nhận về những điều ấy của con người trên toàn thế giới khá tương đồng. Người Việt ở các đô thị miền Nam thời bấy giờ cũng mang tâm lý này. Vì vậy, sự tìm kiếm niềm chia sẻ từ văn phẩm dịch ở họ cũng không phải điều xa lạ. Sự đồng cảm đó cũng chính là nội dung quan trọng để văn phẩm Đức được dịch và được yêu thích ở miền Nam Việt Nam.

Tuy tính chất hai cuộc chiến ở Đức và Việt Nam khác nhau, nhưng tâm trạng của những thân phận con người thời chiến đều trải qua các cung bậc thăng trầm tang thương và hoang mang, nhất là đối với tầng lớp thanh

niên ở các đô thị miền Nam trước đây. Tiểu thuyết của Erich Maria Remarque và Heinrich Böll đã nói đến con người với những trải nghiệm và mất mát trong chiến tranh. Chính vì thế, dù là văn phẩm nước ngoài được dịch ở miền Nam Việt Nam, nhưng sự gần gũi và chia sẻ giữa nhà văn và bạn đọc vẫn gặp nhau ở những nỗi dằn vặt, tìm kiếm và ray rứt... Không những vậy, các nhà văn đưa vào sáng tác những phương thức dẫn thân, trải nghiệm của nhân vật đã tạo những mới lạ cho tác phẩm, thu hút người đọc. Ví như trường hợp nhân vật Graber trong Một thời để yêu và một thời để chết của Remarque, anh đã trải nghiệm qua cuộc chiến, qua tình yêu, đến việc mở ngục cho phạm nhân trốn tù... và anh bị bắn chết. Tất cả chỉ có một lần thực hiện, một cơ hội để con người dẫn thân và trả giá. Bối cảnh chiến tranh lồng vào sự dẫn thân và trải nghiệm đến nghiệt ngã này đã làm cho người đọc trên thế giới trong đó có ở Việt Nam yêu thích. Tác phẩm cũng đã gợi mở những suy nghĩ và hành động đối với lớp người trẻ ở Nam Việt Nam thời bấy giờ, để kiếm tìm một con đường thực sự để cứu vãn thực tại ngột ngạt, chán chường vây hãm đời sống.

Trong lời giới thiệu cho cuốn Người ở đâu về (Adam, Wo warst du?) của Heinrich Böll, Lý Quốc Sinh viết:

"...Người ta nói rằng, một nhà văn có ba kinh nghiệm lớn nhất: Tình Yêu, Chiến Tranh và Cái Chết. Tình Yêu là sự nảy nở của đời sống; Chiến Tranh là sự huỷ diệt đời sống; và Cái Chết là sự kết liễu của đời sống. Cả ba kinh nghiệm đó Heinrich Böll đã chung đúc trong hai tác phẩm này<sup>3</sup> theo một biện chứng mở. Chính trong chiến tranh, đối đầu với cái chết, người ta mới hiểu được chân thật giá trị của tình yêu. Và tình yêu đã làm nhân vật chính trong truyện giác ngộ bản chất cuộc chiến tranh phi nhân của Hitler, và vượt thắng cái chết".

Qua lời giới thiệu, chúng ta thấy, sự tương đồng từ các sự kiện lớn trong thế kỷ XX của nhân loại, đã làm cho người đọc và văn học cùng thời có sự liên kết. Dịch giả - cũng là một kiểu người đọc, họ là người tạo nên

<sup>3</sup> Người ở đâu về và Từ độ xa người

sự liên kết ấy. Người đọc Việt Nam không còn xa lạ với một tác phẩm viết về chiến tranh trong văn học Đức, bởi đất nước này cũng đang trải qua những bi thương chiến tranh. Với Heinrich Böll, văn chương là “phương tiện để nói lên thông điệp nhân bản và phân tích những lỗi lầm của thế hệ mình”. Thời điểm này, Việt Nam cũng đang bị chia cắt, con người cũng bị dày vò bởi chiến tranh và nhiều nỗi đau khác đến từ cuộc sống. Có lẽ vì thế, dịch giả đã không quên nhắc đến một kinh nghiệm Việt Nam vào cuối phần giới thiệu: “Kinh nghiệm của Việt Nam, sau ba mươi năm làm bãi chiến trường cho các đế quốc đã có biết bao thế hệ thanh niên bị biến thành kiếp thiêu thân, chắc chắn sẽ là một đề tài lớn trong những ngày hoà bình sắp tới. Tác phẩm của HEINRICH BÖLL là sự phản tỉnh của một dân tộc thời hậu chiến có nhiều vấn đề, nhiều trình tự tương ứng với hoàn cảnh nước ta hiện nay”.

Như vậy, Đức là nước gây chiến đi xâm lược, gây thương vong mất mát cho nhân loại trong các kỳ thế chiến, thế nhưng các nhà văn Đức lại là những con người đau khổ và lưu vong. Rất nhiều người trong số họ

không còn cơ hội quay về nước Đức nữa. Có thể vì thế, những trang văn viết về chiến tranh của Erich Maria Remarque, của Heinrich Böll được dịch và đón nhận nồng nhiệt ở Nam Việt Nam - đất nước cũng đang nằm trong chiến tranh và tình hình chính sự phức tạp cũng như bị chia cắt. Người đọc chờ đợi và bắt gặp mình trong các nhân vật của các nhà văn trên.

Như vậy, những năm 60 của thế kỷ, người đọc miền Nam Việt Nam đã đến với tiểu thuyết Đức một cách tự nhiên qua các bản dịch, qua các bài giới thiệu, nghiên cứu và phê bình văn học Đức của những dịch giả - học giả miền Nam thời bấy giờ. Với ưu thế về việc tiếp cận các nền văn học lớn trên thế giới cũng như các học thuyết hiện đại, người đọc miền Nam như đã có sự chuẩn bị mọi mặt để tiếp nhận tiểu thuyết Đức nói riêng và văn học Đức nói chung. Những tác phẩm nổi tiếng như Câu chuyện của dòng sông, Sói đồng hoang của Hermann Hesse; hay Một thời để yêu và một thời để chết, Mặt trận miền Tày vẫn yên tĩnh của Erich Maria Remarque đã để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc miền Nam trước 1975 và cho đến tận bây giờ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hoài Anh (1999), *Lý luận – Phê bình văn học ở đô thị miền Nam 1954-1975*, Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Dorothy Brewster, John Angus Burrell (2003), *Tiểu thuyết hiện đại*, Dương Thanh Bình dịch, Lao Động.
3. Lê Ngọc Châu (1996), “Heinrich Böll với tác phẩm chống chiến tranh *Adam, người ở đâu rồi?*”, số 3, tr. 60-62.
4. Thạch Chương (1966), “Hermann Hesse ngọn lửa nhỏ ngoài đêm bão lạnh”, tập san *Văn chương tư tưởng nghệ thuật*, số 70, tr. 7-11.
5. Trần Dương (2011), *Văn hoá Đức tiếp xúc và cảm nhận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Trần Phong Giao (1966), “Vài nét về Hermann Hesse”, tập san *Văn chương tư tưởng nghệ thuật*, số 70, tr. 2-6.
7. Grass, Günter (1965), “Dog years”, *Văn học*, số 47, tr.86-89 (đề sách).
8. Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan (2008), *Văn học thời kỳ 1945 – 1975 ở Tp. HCM” (100 câu hỏi đáp về Sài Gòn - Gia Định - Tp. HCM)*, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM.
9. Nguyễn Minh Hoàng (1963), “*Cái trống thiếc và vị trí của Günter Grass*”, *Bách Khoa*, số 149, tr. 83-90.
10. Lukacs, Georg (1967), “Những truyện ngắn của Thomas Mann”, Nguyễn Thu Hồng dịch, Tập san *Văn chương Tư tưởng Nghệ thuật*, số 95, trang 18-26.
11. Vũ Đình Lưu (1973), “Nghĩ về phong trào dịch thuật ở miền Nam Việt Nam hiện nay”, *Tập san Văn*, số 227, tr. 12-23.
12. Đặng Thai Mai (1962), “Văn học miền Nam dưới chế độ Mỹ - Diệm”, *Nghiên cứu văn học*, số 7, tr. 9-24.
13. Hồng Dân Nam (1975), “Tô-mát Man một vinh dự của nền văn học Đức”, *Văn học*, số 2, tr. 118-126.
14. Thích Đức Nhuận (1965), “Phản ứng của trí thức Việt giữa cuộc va chạm ngôn ngữ Đông – Tây”, *Vạn Hạnh*, số 3, tr. 7-13.
15. Huỳnh Như Phương (2008), “Chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam 1954-1975 (trên bình diện lý thuyết)”, *Nghiên cứu văn học*, số 9 (439), tr. 91-103.
16. Trần Hữu Tá (2000), *Nhìn lại một chặng đường văn học (Văn học yêu nước, cách mạng miền Nam 1954 – 1975)*, Nxb. Tp.HCM.
17. Trảng Thiên (1962), “Thời đại ngày nay và công việc sáng tác theo ý Hermann Hesse”, *Bách Khoa*, số 137, tr. 103-106.
18. Trảng Thiên (1962), “Uwe Johnson”, *Bách Khoa*, số 143, tr. 59-63.
19. Phan Kim Thịnh (1963), “Thực tại mới trong văn chương của Heinrich Böll và Günter Grass”, *Văn học*, số 12, Saigon.
20. Vũ Duy Từ (1967), “Thomas Mann (1975 – 1955) tác giả và tác phẩm”, Tập san *Văn chương Tư tưởng Nghệ thuật*, số 95, tr. 2-17.